

Số: /TB-UBND

Cẩm Giang, ngày..... tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1787/QĐ- UBND ngày 14/05/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang đã niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công và công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Cẩm Giang tại địa chỉ truy cập: <https://camgiang.haiphong.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh>. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; cụ thể như sau:

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2026/NQ-CP NGÀY 29/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (64 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (64 TTHC)		
A1. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (16 TTHC)		
1	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
2	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
3	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
4	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

5	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí)
6	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
7	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí
8	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
9	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
10	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐCP
11	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
12	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
13	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
14	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
15	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
16	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
A2. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (06 TTHC)		
1	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
2	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
3	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

4	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
5	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
6	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
A3. LĨNH VỰC ĐIỆN (08 TTHC)		
1	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)
6	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng
A4. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (04 TTHC)		
1	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá
2	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá
3	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu
4	1.001335	Chấp thuận Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước
A5. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (13 TTHC)		
1	1.001399	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam

2	1.001391	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam
3	1.001384	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam
4	1.001076	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam
5	1.001036	Chấm dứt và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam
6	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại
7	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
8	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
9	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài
11	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài
12	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
13	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

A6. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (06 TTHC)

1	1.001062	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất
2	1.000890	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu
3	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam
4	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam
5	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam
6	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu

A7. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (10 TTHC)		
1	1.014728	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2
2	1.014732	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2
3	1.014735	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2
4	1.014734	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2
5	1.014733	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2
6	1.014721	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện
7	1.014720	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện
8	1.014714	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện
9	2.002834	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện
10	1.014710	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện
A8. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (01 TTHC)		
1	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (29 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (26 TTHC)		
A1. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (12 TTHC)		
1	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá
2	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
3	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá
4	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

5	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá
6	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
7	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
8	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
9	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
10	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
11	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
12	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
A2. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (03 TTHC)		
1	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá
2	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá
3	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá
A3. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (11 TTHC)		
1	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)
2	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
3	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất
4	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
5	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng
6	2.001264	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới
7	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại

		lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép
8	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế
9	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau
10	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập
11	1.001370	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

B1. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (03 TTHC)

1	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
3	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (PHÂN CẤP) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2026/NQ-CP NGÀY 29/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (12 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
A. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (10 TTHC)		
1	1.014700	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1
2	1.014701	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1
3	1.014702	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1
4	1.014703	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1

5	1.014707	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm
6	1.014708	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm
7	1.014709	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm
8	1.013340	Cấp Giấy phép vận chuyên hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8
9	1.013350	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyên hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8
10	1.013351	Cấp lại Giấy phép vận chuyên hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8

B. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (02 TTHC)

1	1.012168	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
2	1.012527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

UBND xã Cẩm Giang thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân nắm được./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Công Thông tin điện tử xã;
- Trung tâm DV sự nghiệp công (để thông báo),
- Lưu: VT./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Định